

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH  
QUÝ III NĂM 2025**

( Kèm theo Quyết định số 337 /QĐ-BVNGL Ngày 16 / 10 / 2025 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai )

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 91/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

*ĐV tính: Triệu đồng*

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm   | Thực hiện<br>Quý III năm<br>2025 | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025/<br>Dự toán<br>năm ( tỷ lệ<br>%) | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025<br>so với cùng<br>kỳ năm<br>trước ( tỷ<br>lệ %) |
|------------|----------------------------------------------------|---------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |               |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | <b>22,500</b> | <b>0,000</b>                     | <b>0,00%</b>                                                      |                                                                                  |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      | <b>22,500</b> | <b>0,000</b>                     | <b>0,00%</b>                                                      |                                                                                  |
|            | Phí tuyển dụng viên chức                           | 22,500        | 0,000                            | 0,00%                                                             |                                                                                  |
|            | Lệ phí B                                           |               |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            | <b>22,500</b> | <b>0,000</b>                     | <b>0,00%</b>                                                      |                                                                                  |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          | <b>22,500</b> | <b>0,000</b>                     | <b>0,00%</b>                                                      |                                                                                  |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 22,500        |                                  | 0,00%                                                             |                                                                                  |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |               |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |               |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |               |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |               |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                     | <b>0,000</b>  | <b>0,000</b>                     |                                                                   | <b>0,00%</b>                                                                     |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |               |                                  |                                                                   |                                                                                  |
|            | Lệ phí A                                           | 0,000         |                                  |                                                                   |                                                                                  |

| Số TT    | Nội dung                                                   | Dự toán năm       | Thực hiện<br>Quý III năm<br>2025 | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025/<br>Dự toán<br>năm ( tỷ lệ<br>%) | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025<br>so với cùng<br>kỳ năm<br>trước ( tỷ<br>lệ %) |
|----------|------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|          | Lệ phí B                                                   |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>B</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                      | <b>11.055,620</b> | <b>3.240,565</b>                 | <b>29,31%</b>                                                     | <b>168,52%</b>                                                                   |
| <b>I</b> | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                          | <b>11.055,620</b> | <b>3.240,565</b>                 | <b>29,31%</b>                                                     | <b>168,52%</b>                                                                   |
| <b>1</b> | <b>Chi quản lý hành chính</b>                              | <b>0,000</b>      | <b>0,000</b>                     | 0,00%                                                             |                                                                                  |
| 1.1      | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                           |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 1.2      | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                     |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>2</b> | <b>Nghiên cứu khoa học</b>                                 |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 2.1      | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ             |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
|          | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>          |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
|          | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>                |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
|          | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>             |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 2.2      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng              |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 2.3      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>3</b> | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>           |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 3.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 3.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>4</b> | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>              | <b>11.055,620</b> | <b>3.240,565</b>                 | <b>29,31%</b>                                                     | <b>176,60%</b>                                                                   |
| 4.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 4.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       | 11.055,620        | 3.240,565                        | 29,31%                                                            | 176,60%                                                                          |
|          | - Kinh phí mua sắm thiết bị y tế và chuyển đổi số          | 10.222,000        | 3.101,065                        | 30,34%                                                            |                                                                                  |
|          | - Kinh phí hỗ trợ chính sách ưu đãi theo Nghị quyết số 103 | 715,200           | 139,500                          | 19,51%                                                            |                                                                                  |
|          | - Kinh phí hỗ trợ Tết Nguyên Đán                           | 118,420           |                                  | 0,00%                                                             |                                                                                  |
| <b>5</b> | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                  |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 5.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 5.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>6</b> | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                               |                   |                                  |                                                                   |                                                                                  |

| Số TT     | Nội dung                                                | Dự toán năm | Thực hiện<br>Quý III năm<br>2025 | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025/<br>Dự toán<br>năm ( tỷ lệ<br>%) | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025<br>so với cùng<br>kỳ năm<br>trước ( tỷ<br>lệ %) |
|-----------|---------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 1.1       | <i>Dự án A</i>                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 1.2       | <i>Dự án B</i>                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 2.1       | <i>Dự án A</i>                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 2.2       | <i>Dự án B</i>                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>        |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 3.1       | <i>Dự án A</i>                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 3.2       | <i>Dự án B</i>                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 4.1       | <i>Dự án A</i>                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 4.2       | <i>Dự án B</i>                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 5.1       | <i>Dự án A</i>                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm | Thực hiện<br>Quý III năm<br>2025 | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025/<br>Dự toán<br>năm ( tỷ lệ<br>%) | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025<br>so với cùng<br>kỳ năm<br>trước ( tỷ<br>lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 5.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 6.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 6.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 7.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 7.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 8.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 8.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 9.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 9.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 10.1  | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 10.2  | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 1.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 1.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 2.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 2.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề        |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 3.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 3.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 4.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm | Thực hiện<br>Quý III năm<br>2025 | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025/<br>Dự toán<br>năm ( tỷ lệ<br>%) | Thực hiện<br>Quý III<br>năm 2025<br>so với cùng<br>kỳ năm<br>trước ( tỷ<br>lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 4.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 5.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 5.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 6.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 6.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 7.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 7.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 8.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 8.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 9.1   | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 9.2   | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 10.1  | Dự án A                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
| 10.2  | Dự án B                                          |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |
|       | (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)       |             |                                  |                                                                   |                                                                                  |

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Hoài Thu

Gia Lai, ngày 16 tháng 10 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đặng Hữu Chiến









